TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **56**/2025/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Phượng H, sinh năm 1989; địa chỉ: K112/H138/28 đường T C V, quận H C, thành phố Đ N.

- Ông Hà T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 90 phường H X, quận C L, thành phố Đ N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng H và ông Hà T kết hôn vào năm 2011, đến năm 2019 thì ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu. Năm 2024 ông bà đăng ký kết hôn lại tại UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, ông bà đã sống ly thân. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Phượng H và ông Hà T.

[2] Về con chung: Ông Hà T và bà Nguyễn Thị Phượng H xác nhận có 02 con chung là Hà Khả N, sinh ngày 14/11/2011 và Hà Anh K, sinh ngày 13/11/2014. Ly hôn ông bà thoả thuận: Bà Nguyễn Thị Phượng H nuôi 02 con chung, ông Hà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hà T và bà Nguyễn Thị Phượng H xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* ông T và bà H chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà T và bà Nguyễn Thị Phượng H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Hà Khả N sinh ngày 14/11/2011 và Hà Anh K, sinh ngày 13/11/2014 cho bà Trần Thị Phượng H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng); Giao tiền cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

1.4. Lệ phí giải quyết việc HNGĐ: 300.000 đồng, ông T và bà H mỗi người chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 9600 ngày 14/3/2025. Ông T và bà H đã nộp đủ lệ phí HNGĐ sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
(Giấy ĐKKH số 38, năm 2024)
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhớ